

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 29-3-2018

V/v: “Không công nhận quan hệ
vợ chồng” giữa Trần Thị Diễm
H và Trần Văn T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở

2. Ông Lê Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bé Hai, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 295/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc “ Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Diễm H; Sinh năm 1998; Cư trú tại số 183, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T; Sinh năm 1991; Cư trú tại số 491, ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn ngày 25 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Diễm H trình bày:* Chị và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào cuối năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống, chị và anh T sống tại nhà của anh T hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc và thường xuyên đánh đập chị. Chị và anh T có cuộc sống chung không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, tình cảm giữa chị và anh T ngày càng phai nhạt và đã thật sự chấm dứt tình cảm từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm với anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Trần Văn T. Theo xác minh của Công an xã N, thành phố T, tỉnh Long An thì hiện nay anh T đang cư trú tại số 491 ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho anh T biết về việc Tòa án có thụ lý vụ kiện theo đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Diễm H, nhưng anh T không đến Tòa và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc chị H có yêu cầu ly hôn.

**Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do giữa chị H và anh T không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Diễm H và anh Trần Văn T là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị H xác định không có nên không đề cập. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Diễm H và anh Trần Văn T chung sống với nhau vào cuối năm 2015. Sau khi chung sống, chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn. Do không thể kéo dài cuộc sống chung với anh T nên chị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T làm phát sinh vụ kiện tại Tòa án. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Tòa án có thông báo cho anh Trần Văn T hai lần vào các ngày 09 tháng 3 năm 2018 và ngày 29 tháng 3 năm 2018 đến Tòa án tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ kiện vắng mặt anh T là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xem xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T, thấy: Theo trình bày của chị H thì chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2015. Sau khi chung sống giữa chị H và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu và hay đánh chị H, vợ chồng thường xuyên bất đồng với nhau. Từ đó, tình cảm giữa chị H và anh T ngày càng phai nhạt và đã thật sự

chấm dứt quan hệ tình cảm từ đầu năm 2017 cho đến nay. Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa án tham gia hòa giải theo qui định Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng anh T không đến Tòa án. Tuy nhiên, giữa chị H và anh T sống chung như vợ chồng nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định của Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh T, cần nên tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng theo qui định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H xác định không có con chung nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lời trình bày quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Diễm H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Diễm H và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Diễm H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Diễm H đã nộp theo biên lai thu số 0009498 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP T;
- CC.THADS TP T;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sở - Lê Văn Ngôn

Huỳnh Thị Phụng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh
- VKDND TP
- Các đương sự
- THA, AV, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Phụng